

Số/No.: 69/2023/WSB
(Công bố thông tin Báo cáo tài chính
riêng năm 2022 đã kiểm toán)
(Information disclosure of audited
Separate Financial Statements in 2022)

Cần Thơ, ngày 17 tháng 03 năm 2023
Can Tho, March 17, 2023

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ủy ban chứng khoán Nhà Nước**

**To: Hanoi Stock Exchange (HNX)
State Securities Commission of Vietnam (SSC);**

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng đã kiểm toán năm 2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Western - Saigon Beer Joint Stock Company would like to disclose the audited separate financial statements in 2022 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. BCTC riêng đã kiểm toán năm 2022

Audited separate financial statements in 2022

- BCTC riêng đã kiểm toán năm 2022 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

Audited separate financial statements in 2022 as prescribed in Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC include:

☒ BCTC riêng (TCĐKGD QML không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate Financial Statements (large-scale transaction registration organization has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

☐ BCTC hợp nhất (TCĐKGD QML có công ty con);

Consolidated Financial Statements (large-scale transaction registration organization has subsidiaries)

☐ BCTC tổng hợp (TCĐKGD QML có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

General Financial Statements (large-scale transaction registration organization has an accounting unit directly under its own accounting system);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

Explanatory documents that must be disclosed together with the financial statements as prescribed in Clause 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC include:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Did the profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year?

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Explanatory documents of profit change 10% compared to the same period of the previous year:

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2022 so với cùng kỳ: Lợi nhuận sau thuế năm 2022 bằng 75,9% so với năm 2021 do doanh thu bán hàng và doanh thu tài chính giảm, giá vật tư tăng dẫn đến chi phí đầu vào tăng do áp lực lạm phát.

Explaining the difference in profit after tax in 2022 compared to 2021: Profit after tax in 2022 was only 75.9% compared to 2021 because sales revenue and financial revenue decreased, price of raw materials increased that made input costs higher from inflationary pressures.

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Did profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa?

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Explanatory documents of profit after tax in the period of loss, converted from profit in the same period of the previous year to loss in this period or vice versa:

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Đại diện tổ chức/Representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Legal representative/Disclosure Authorization
(Signature, full name, job position, seal)



Lê Đăng Khoa



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

5703000144
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005
ngày 13 tháng 5 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 13 tháng 5 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Neo Gim Siong Bennett
Ông Trần Nguyên Trung
Ông Phạm Đình Hùng
Ông Nguyễn Văn Đồi
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Loan Anh
Ông Đoàn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Văn Doanh

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đăng Khoa
Ông Phạm Minh Quân
Ông Võ Văn Vân

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Neo Gim Siong Bennett
Ông Lê Đăng Khoa

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Trà Nóc
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00303-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		273.642.544.577	202.946.562.657
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.816.890.535	8.787.430.794
Tiền	111		71.890.535	117.430.794
Các khoản tương đương tiền	112		4.745.000.000	8.670.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		174.149.000.000	140.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	174.149.000.000	140.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.850.828.447	27.891.264.888
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.872.914.820	1.598.311.889
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.610.538.586	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	62.367.375.041	26.292.952.999
Hàng tồn kho	140	9	26.309.552.222	25.460.071.741
Hàng tồn kho	141		27.274.636.814	26.246.117.723
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(965.084.592)	(786.045.982)
Tài sản ngắn hạn khác	150		516.273.373	407.795.234
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		516.273.373	407.795.234

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		417.784.131.062	482.014.110.215
Tài sản cố định	220		176.205.598.892	200.935.410.291
Tài sản cố định hữu hình	221	10	176.205.598.892	200.935.410.291
Nguyên giá	222		525.851.989.118	513.300.658.008
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(349.646.390.226)	(312.365.247.717)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
Nguyên giá	228		-	73.881.710
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(73.881.710)
Bất động sản đầu tư	230	12	2.433.851.672	2.594.325.404
Nguyên giá	231		4.011.843.370	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.577.991.698)	(1.417.517.966)
Tài sản dở dang dài hạn	240		61.931.012	8.741.261.818
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	61.931.012	8.741.261.818
Đầu tư tài chính dài hạn	250		223.080.715.400	253.280.715.400
Đầu tư vào công ty con	251	6(b)	200.000.000.000	200.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	13.980.715.400	13.980.715.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(c)	2.100.000.000	32.300.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		16.002.034.086	16.462.397.302
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	14.140.881.884	14.765.059.044
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.861.152.202	1.697.338.258
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		691.426.675.639	684.960.672.872

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		47.082.472.267	61.025.375.882
Nợ ngắn hạn	310		43.460.428.622	57.342.361.910
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	4.196.898.093	6.189.321.632
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.825.144	43.055.144
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	16.419.465.040	25.038.455.480
Phải trả người lao động	314		4.507.898.546	6.772.318.974
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.188.349.926	2.595.867.024
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	8.119.583.464	7.319.732.711
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	6.012.408.409	9.383.610.945
Nợ dài hạn	330		3.622.043.645	3.683.013.972
Phải trả dài hạn khác	337		49.500.000	49.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	3.572.543.645	3.633.513.972
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		644.344.203.372	623.935.296.990
Vốn chủ sở hữu	410	20	644.344.203.372	623.935.296.990
Vốn cổ phần	411	21	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		321.632.756.418	301.223.850.036
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		283.368.844.586	236.603.910.557
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		38.263.911.832	64.619.939.479
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		691.426.675.639	684.960.672.872

Ngày 15 tháng 3 năm 2023


Dương Thị Thúy Hồng
Người lập


Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng




Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	169.681.425.487	204.235.050.018
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	155.458.798.515	184.165.769.028
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		14.222.626.972	20.069.280.990
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	70.238.377.079	89.781.038.963
Chi phí tài chính	22		19.319.178	9.223.971
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	12.238.394.484	12.073.004.709
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		72.203.290.389	97.768.091.273
Thu nhập khác	31		654.674.719	149.409.505
Chi phí khác	32		18.727.778	286.259.450
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		635.946.941	(136.849.945)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		72.839.237.330	97.631.241.328
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.403.840.880	4.525.754.972
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	(163.813.944)	86.030.730
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		70.599.210.394	93.019.455.626

Ngày 15 tháng 3 năm 2023


Dương Thị Thúy Hồng
Người lập


Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng




Lê Đăng Khoa
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		72.839.237.330	97.631.241.328
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		38.036.230.586	38.630.768.434
Các khoản dự phòng	03		179.038.610	(243.631.217)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(9.511.193.361)	(6.721.726.688)
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được phân phối	05		(60.727.183.718)	(78.885.524.075)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05		(187.872.727)	220.956.197
Lãi từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư tài chính	05		-	(4.173.788.200)
Chi phí lãi vay	06		19.319.178	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		40.647.575.898	46.458.295.779
Biến động các khoản phải thu	09		(2.925.113.775)	2.356.574.915
Biến động hàng tồn kho	10		(1.028.519.091)	6.464.093.512
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(11.766.323.543)	2.099.151.535
Biến động chi phí trả trước	12		515.699.021	(652.345.523)
			25.443.318.510	56.725.770.218
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.319.178)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.302.176.790)	(6.606.650.696)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.535.816.719)	(5.454.042.457)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.586.005.823	44.665.077.065
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(4.000.649.286)	(13.600.220.509)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		187.872.727	119.090.909
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(168.349.000.000)	(196.480.000.000)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn	24		164.800.000.000	133.409.000.000
Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào đơn vị khác	26		-	6.328.975.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		33.972.856.477	72.330.571.775
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.611.079.918	2.107.417.175

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		7.200.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.200.000.000)	-
Tiền chi trả cổ tức	36		(50.167.626.000)	(64.803.770.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(50.167.626.000)	(64.803.770.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(3.970.540.259)	(18.031.275.760)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		8.787.430.794	26.818.706.554
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	4.816.890.535	8.787.430.794

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Dương Thị Thúy Hồng
Người lập

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2022: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 104 nhân viên (1/1/2022: 107 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng lẻ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 8 – 25 năm

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	36.699.200	89.862.800
Tiền gửi ngân hàng	35.191.335	27.567.994
Các khoản tương đương tiền	4.745.000.000	8.670.000.000
	4.816.890.535	8.787.430.794

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 6%/năm (1/1/2022: 3,2% đến 3,5%/năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,2% đến 9,2% một năm (1/1/2022: 3,9% đến 5,2% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022					1/1/2022				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào:										
Công ty con										
• Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20,00%	7.000.000.000	-	23.975.952.000	2.402.400	20,00%	7.000.000.000	-	25.837.812.000
Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
			<u>220.980.715.400</u>	<u>-</u>				<u>220.980.715.400</u>	<u>-</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Không có biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và được hưởng lãi suất năm là 9,2% một năm (1/1/2022: 5,2% một năm).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.480.010.820	1.583.934.000
Các khách hàng khác	392.904.000	14.377.889
	3.872.914.820	1.598.311.889

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.480.010.820	1.583.934.000
Các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	392.904.000	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	-	13.186.800

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu về lợi nhuận được phân phối và cổ tức được chia	58.176.620.358	23.987.147.140
Phải thu lãi tiền gửi	4.168.969.874	2.092.922.490
Phải thu khác	21.784.809	212.883.369
	62.367.375.041	26.292.952.999

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	150.703.000	-	237.319.000	-
Nguyên vật liệu	9.108.038.398	-	8.308.634.112	-
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	3.142.303.532	(965.084.592)	2.883.862.021	(786.045.982)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.829.475.149	-	9.777.659.151	-
Thành phẩm	4.044.116.735	-	4.790.007.489	-
Hàng hóa	-	-	248.635.950	-
	27.274.636.814	(965.084.592)	26.246.117.723	(786.045.982)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 965 triệu VND (1/1/2022: 786 triệu VND) phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	786.045.982	1.029.677.199
Dự phòng trích lập trong năm	657.165.722	302.736.930
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(478.127.112)	(546.368.147)
Số dư cuối năm	965.084.592	786.045.982

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	68.669.251.897	425.423.994.563	8.994.977.615	10.212.433.933	513.300.658.008
Tăng trong năm	-	700.000.000	-	-	700.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	12.445.945.455	-	-	12.445.945.455
Thanh lý	-	-	(530.728.436)	(63.885.909)	(594.614.345)
Số dư cuối năm	68.669.251.897	438.569.940.018	8.464.249.179	10.148.548.024	525.851.989.118
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	35.243.245.861	262.376.592.528	6.485.168.129	8.260.241.199	312.365.247.717
Khấu hao trong năm	3.695.793.483	32.707.712.287	692.648.406	779.602.678	37.875.756.854
Thanh lý	-	-	(530.728.436)	(63.885.909)	(594.614.345)
Số dư cuối năm	38.939.039.344	295.084.304.815	6.647.088.099	8.975.957.968	349.646.390.226
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	33.426.006.036	163.047.402.035	2.509.809.486	1.952.192.734	200.935.410.291
Số dư cuối năm	29.730.212.553	143.485.635.203	1.817.161.080	1.172.590.056	176.205.598.892

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá là 77.830 triệu VND (1/1/2022: 58.803 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	73.881.710
Thanh lý	(73.881.710)
Số dư cuối năm	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	73.881.710
Thanh lý	(73.881.710)
Số dư cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số dư đầu và cuối năm	-



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu và cuối năm	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.417.517.966
Khấu hao trong năm	160.473.732
Số dư cuối năm	1.577.991.698
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.594.325.404
Số dư cuối năm	2.433.851.672

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	8.741.261.818	2.727.273
Tăng trong năm	3.766.614.649	11.744.712.834
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.445.945.455)	(2.207.200.108)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.309.887.272)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	510.909.091
Số dư cuối năm	61.931.012	8.741.261.818

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	11.157.361.999	1.736.797.012	1.870.900.033	14.765.059.044
Tăng trong năm	-	-	1.181.606.085	1.181.606.085
Phân bổ trong năm	(465.474.648)	(671.850.000)	(668.458.597)	(1.805.783.245)
Số dư cuối năm	10.691.887.351	1.064.947.012	2.384.047.521	14.140.881.884

15. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Công Nghệ Bia Rượu Nước Giải Khát Việt Nam	551.322.000	-
Công ty TNHH Chế Biến Lương Thực Trường Thắng	519.694.500	175.000.000
Công ty TNHH Camic Vietnam	495.759.000	513.110.400
Công ty Bảo Hiểm Dầu Khí Phía Nam	454.291.021	466.583.176
Công ty Cổ phần Thương mại Cửu Long	390.157.937	747.876.848
Các nhà cung cấp khác	1.785.673.635	4.286.751.208
	4.196.898.093	6.189.321.632

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	-	5.830.000
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	3.081.273	113.641.416
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	-	234.257.100
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	-	86.350.000

Các khoản phải trả thương mại cho công ty con và các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp VND	Số cần trừ VND	31/12/2022 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	20.521.050.870	144.558.452.074	(151.607.003.944)	-	13.472.499.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.946.145.575	2.403.840.880	(3.302.176.790)	-	1.047.809.665
Thuế giá trị gia tăng	2.158.525.785	31.309.062.852	(23.278.747.357)	(8.302.558.405)	1.886.282.875
Thuế thu nhập cá nhân	412.733.250	1.420.937.575	(1.820.797.325)	-	12.873.500
Thuế khác	-	7.953.291	(7.953.291)	-	-
	25.038.455.480	179.700.246.672	(180.016.678.707)	(8.302.558.405)	16.419.465.040

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	4.898.686.808	4.316.312.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	707.173.600	628.743.320
Phải trả khác	2.513.723.056	2.374.676.583
	8.119.583.464	7.319.732.711

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	9.383.610.945	10.631.497.361
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh 20)	2.943.211.048	6.330.413.584
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(3.839.567.192)	(2.220.859.635)
Sử dụng quỹ trong năm	(2.474.846.392)	(5.357.440.365)
Số dư cuối năm	6.012.408.409	9.383.610.945

19. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	3.633.513.972	3.730.116.064
Dự phòng sử dụng trong năm	(60.970.327)	(96.602.092)
Số dư cuối năm	3.572.543.645	3.633.513.972

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	145.000.000.000	177.711.446.954	277.904.869.210	600.616.316.164
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	93.019.455.626	93.019.455.626
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(65.250.000.000)	(65.250.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(6.330.413.584)	(6.330.413.584)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	2.220.859.635	2.220.859.635
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(319.102.563)	(319.102.563)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(21.818.288)	(21.818.288)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	145.000.000.000	177.711.446.954	301.223.850.036	623.935.296.990
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	70.599.210.394	70.599.210.394
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(50.750.000.000)	(50.750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(2.943.211.048)	(2.943.211.048)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	3.839.567.192	3.839.567.192
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(392.087.514)	(392.087.514)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	55.427.358	55.427.358
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	145.000.000.000	177.711.446.954	321.632.756.418	644.344.203.372

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 22 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông là 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021, trong đó 21.750 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2021 (2021: 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020).

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 8 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định chia tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 29.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 (2021: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 21.750 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	750.809.505	738.247.699
Từ hai đến năm năm	1.941.471.252	2.430.989.630
Sau năm năm	3.933.170.737	4.083.611.324
	6.625.451.494	7.252.848.653

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày bảng cân đối kế toán, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	3.029.063.006	3.704.683.637

(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2022	1/1/2022
Chai	Chai	1.414.621	1.891.920



24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị thành phẩm đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	164.128.815.896	198.163.907.616
▪ Doanh thu cho thuê	228.740.364	412.693.000
▪ Doanh thu khác	5.323.869.227	5.658.449.402
	169.681.425.487	204.235.050.018

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	154.067.846.585	183.108.253.259
▪ Dịch vụ đã cung cấp	165.686.496	319.722.974
▪ Dự phòng /(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	179.038.610	(243.631.217)
▪ Giá vốn khác	1.046.226.824	981.424.012
	155.458.798.515	184.165.769.028

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	60.727.183.718	78.885.524.075
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.511.193.361	6.721.726.688
Lãi từ việc xử lý các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu khác	-	4.173.788.200
	70.238.377.079	89.781.038.963

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	8.208.075.690	8.112.645.441
Chi phí khấu hao	366.302.916	584.406.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.055.809.326	409.945.048
Chi phí quản lý khác	2.608.206.552	2.966.007.733
	12.238.394.484	12.073.004.709

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	86.716.546.925	100.731.432.926
Chi phí nhân công và nhân viên	24.593.074.354	26.561.308.229
Chi phí khấu hao và phân bổ	38.036.230.586	38.630.768.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.111.146.880	15.032.892.733
Chi phí khác	8.240.194.254	15.282.371.415

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	1.938.956.183	4.144.058.421
Dự phòng thiếu trong những năm trước	464.884.697	381.696.551
	2.403.840.880	4.525.754.972
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(163.813.944)	86.030.730
	2.240.026.936	4.611.785.702

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	72.839.237.330	97.631.241.328
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.567.847.466	19.526.248.266
Chi phí không được khấu trừ thuế	163.501.891	135.060.026
Thu nhập không bị tính thuế	(12.145.436.744)	(15.777.104.815)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(646.956.430)	259.854.944
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(163.813.944)	86.030.730
Dự phòng thiếu trong những năm trước	464.884.697	381.696.551
	2.240.026.936	4.611.785.702

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	308.687.267.970	374.443.990.060
Bán nguyên vật liệu	864.840.000	567.780.000
Mua nguyên vật liệu	62.141.015.757	67.831.744.638
Cổ tức	25.882.500.000	33.277.500.000
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng		
Lợi nhuận phân phối từ công ty con	57.889.473.218	76.993.717.075
Lợi nhuận phân phối từ công ty con đã thu	23.700.000.000	64.678.397.452
Bán nguyên vật liệu	711.803.960	55.944.000
Mua nguyên vật liệu	24.300.000	25.425.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	-	30.128.000
Khác	-	56.487.760
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Cổ tức	2.837.710.500	1.891.807.000
Bán nguyên vật liệu	40.192.500	47.952.000
Mua nguyên vật liệu	-	212.961.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung – Trụ sở chính		
Mua công cụ và dụng cụ	-	1.791.600.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	157.700.000	108.500.000
Mua vật tư phụ tùng	93.400.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	888.347.612	467.635.530
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Mua hàng hóa	-	194.803.400
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	88.715.500	57.078.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán bao bì kết chai	363.800.000	-
Phí sử dụng bao bì	2.814.042	850.564.924
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	-	63.620.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	75.876.000	58.858.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Mua nguyên vật liệu	38.880.000	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Neo Gim Siong Bennett	130.000.000	130.000.000
Ông Trần Nguyên Trung	91.000.000	91.000.000
Ông Phạm Đình Hùng	91.000.000	91.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	91.000.000	91.000.000
Ban Giám đốc		
Lương thưởng	3.294.375.127	3.421.479.508
Ban Kiểm soát		
Lương, thù lao	630.126.348	621.613.065

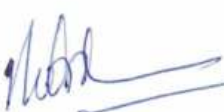
31. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2022 VND	2021 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	1.234.894.545	-

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023


Dương Thị Thúy Hồng
Người lập


Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng


Lê Đăng Khoa
Giám đốc